

Số: 99 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn, tỉnh Nghệ An

Thực hiện Quyết định thanh tra số 134/QĐ-TTr ngày 25/3/2022 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTĐBXH) về việc chấp hành các quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi là Cơ sở), từ ngày 18/4/2022 đến ngày 20/4/2022, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 134/QĐ-TTr nêu trên đã tiến hành thanh tra tại Cơ sở, thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2022.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/5/2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên, địa chỉ của cơ sở

Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn, địa chỉ xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

2. Loại hình, cơ quan chủ quản

Cơ sở là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh đoàn Nghệ An.

3. Quyết định thành lập

Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Nghệ An về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và định mức số lượng người làm việc của Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn (đổi tên Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội Phúc Sơn thành “Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn”).

4. Chức năng, nhiệm vụ

Tiếp nhận, quản lý, chữa trị cai nghiện phục hồi cho những người nghiện ma túy bắt buộc và tự nguyện; chăm sóc và hỗ trợ điều trị người nhiễm HIV/AIDS, người mắc bệnh lao; quản lý, theo dõi chẩn đoán, cắt cơn, giải độc, phục hồi sức khỏe và tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Ban hành văn bản tổ chức thực hiện cai nghiện ma túy và kết quả thực hiện chỉ tiêu cai nghiện ma túy

1.1. Ban hành văn bản tổ chức thực hiện công tác cai nghiện ma túy

Giám đốc Cơ sở đã ban hành văn bản về quản lý, điều hành hoạt động và tổ chức thực hiện cai nghiện ma túy: Quy chế hoạt động của cơ sở; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế làm việc và quản lý kinh tế tài sản; Quy chế trả lương, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức; Quy chế quản lý học viên; Quy chế khen thưởng, kỷ luật học viên; Quy chế đội tự quản học viên.

- Quy chế khen thưởng, kỷ luật đối với học viên: khoản 3 Điều 6 Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều khen thưởng, kỷ luật đối với học viên được ban hành kèm theo Quyết định số 140/QĐ-CSCNPC ngày 25/10/2021 quy định “*Đối với học viên được giảm 20 ngày trở lại thì không làm hồ sơ ra Tòa án mà Hội đồng khen thưởng, kỷ luật Cơ sở họp và quyết định giảm*” không đúng thẩm quyền giảm thời gian chấp hành quyết định cai nghiện ma túy (thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở).

1.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu cai nghiện ma túy

- Kết quả cai nghiện ma túy năm 2020 và năm 2021 so với chỉ tiêu được giao (Quyết định số 96/QĐ-SLĐTBXH-PCTNXH ngày 05/02/2020 của Sở LĐTBXH về việc giao chỉ tiêu cai nghiện ma túy cho các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở cai nghiện ma túy năm 2020; Quyết định số 36/QĐ-SLĐTBXH-PCTNXH ngày 12/01/2021 của Sở LĐTBXH về việc giao chỉ tiêu cai nghiện ma túy cho các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở cai nghiện ma túy năm 2021): cai nghiện bắt buộc năm 2020 vượt chỉ tiêu (112%), năm 2021 chưa đạt chỉ tiêu (90,66%); cai nghiện tự nguyện năm 2020 vượt chỉ tiêu (118%), năm 2021 chưa đạt chỉ tiêu (62%); dạy nghề năm 2020 chưa đạt chỉ tiêu (64,28%), năm 2021 đạt chỉ tiêu (100%), cụ thể:

Năm	Cai nghiện bắt buộc			Cai nghiện tự nguyện			Dạy nghề tại cơ sở		
	Chỉ tiêu	Kết quả	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu	Kết quả	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu	Kết quả	Tỷ lệ %
2020	140	157	112%	50	59	118%	98	63	64,28%
2021	150	136	90,66%	50	31	62%	120	120	100%

- Trong số 95 người cai nghiện tự nguyện (năm 2020: 58 người; năm 2021: 25 người; năm 2022: 12 người), có 80 người cai nghiện về trước thời hạn hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy, chưa đủ thời gian cai nghiện tối thiểu 06 tháng để thực hiện điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe; giáo dục, phục

hội hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, tư vấn hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

2. Về cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất

2.1. Cơ cấu tổ chức và chế độ đối với viên chức, người lao động

a) Ban giám đốc gồm: Giám đốc và 01 Phó giám đốc.

b) Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ

Cơ sở có 03 phòng chuyên môn, gồm: (1) Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế toán; (2) Phòng Y tế - Phục hồi sức khỏe; (3) Phòng quản lý giáo dục lao động sản xuất.

c) Tổng số viên chức, người lao động: 21 người (15 nam, 06 nữ), trong đó: 12 viên chức, 09 lao động hợp đồng.

d) Thực hiện các chế độ đối với viên chức, người lao động

- Đã trả các khoản tiền lương, tiền công, trợ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm; tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho viên chức, người lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, Cơ sở chưa khám sức khỏe định kỳ đối với viên chức, người lao động.

2.2. Cơ sở vật chất

a) Điều kiện về vị trí, môi trường

Cơ sở có không gian rộng rãi, thoáng mát, nhiều cây xanh, cách xa khu dân cư nên thuận tiện cho công tác quản lý, cai nghiện.

b) Diện tích đất sử dụng, cơ cấu khối công trình, trang thiết bị

- Tổng diện tích đất sử dụng là 76.300m²; diện tích xây dựng các hạng mục chính là 4.255,1m². Đã bố trí khối hành chính, quản trị (khu làm việc, hội trường, nhà ăn của cán bộ); khối nhà ở của người cai nghiện; khối đơn vị chức năng (y tế, giáo dục, trị liệu tâm lý, khu vực lao động trị liệu, lao động sản xuất); khu vực nhà ăn, bếp; sân chơi, tập thể thao.

- Nhà ở của người cai nghiện chưa đảm bảo 6m²/người: 03 khu nhà ở cấp 4 với 22 phòng, tổng diện tích 723m² cho tổng 166 người cai nghiện (4,3m²/người), không đủ giường nằm cho người cai nghiện.

- Một số trang thiết bị, phương tiện tối thiểu còn thiếu so với quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy, như: xe cứu thương; tivi tại phòng ở của người cai nghiện; tủ sách để giáo dục tư vấn; các thiết bị y tế như máy hút âm, máy hủy bọm kim tiêm, bộ dụng cụ khám nha, tai, mũi họng, bộ dụng cụ rửa dạ dày, bàn tiêu phẫu; thiết bị phục hồi sức khỏe

như máy tập đa năng, máy vật lý trị liệu đa năng, máy châm cứu dò huyết... (chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo Kết luận thanh tra này).

c) Về vệ sinh, môi trường

- Quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải y tế: chất thải sinh hoạt và chất thải y tế được Cơ sở tự thu gom, xử lý theo hình thức đốt và chôn lấp thủ công.

- Quản lý, xử lý nước thải, quan trắc môi trường: không có hệ thống xử lý nước thải (nước thải được thải ra mương nội bộ, xả ra hồ điều hòa của Cơ sở); chưa thực hiện quan trắc, thống kê, lưu trữ dữ liệu, thông tin về môi trường.

3. Công tác quản lý, trình tự, thủ tục cai nghiện ma túy

3.1. Công tác quản lý người cai nghiện ma túy

- Tại thời điểm ngày 01/4/2022, tổng số người cai nghiện ma túy tại Cơ sở là 166 người, trong đó cai nghiện ma túy bắt buộc: 155 người; cai nghiện ma túy tự nguyện: 11 người (số liệu từng năm chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Kết luận thanh tra này).

- Phương thức quản lý người nghiện ma túy theo sổ sách, lập excel lưu trữ trên máy tính. Người cai nghiện được phân vào các phòng ở thuộc khu nhà ở người cai nghiện, có cán bộ quản lý, giám sát; phân chia thành các tổ: tổ hậu cần nhà bếp, tổ lao động sản xuất, tổ chăn nuôi, tổ vệ sinh.

3.2. Trình tự, thủ tục cai nghiện ma túy

- Đã ban hành Quy trình tiếp nhận, điều trị cắt cơn nghiện ma túy; hồ sơ, thủ tục bàn giao, tiếp nhận đối tượng cai nghiện ma túy bắt buộc và tự nguyện theo quy định pháp luật.

- Đã thực hiện quy trình cai nghiện ma túy, gồm: (1) Tiếp nhận, phân loại; (2) Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, điều trị bệnh khác; (3) Giáo dục, tư vấn phục hồi hành vi, nhân cách; (4) Lao động trị liệu, học nghề; (5) Chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, chưa xây dựng kế hoạch cai nghiện ma túy cho người cai nghiện; chưa hướng dẫn người cai nghiện ma túy xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng.

- Tạm đình chỉ thi hành quyết định cai nghiện ma túy: không phát sinh.

- Truy tìm đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn: 05 người cai nghiện bỏ trốn (năm 2020), Giám đốc Cơ sở đã ban hành quyết định truy tìm đối tượng, phối hợp với Công an cấp huyện, cấp xã nơi cơ sở cai nghiện đóng trụ sở truy tìm đối tượng; tại thời điểm thanh tra, chưa truy tìm được đối tượng.

- Giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành phần thời gian cai nghiện còn lại: không phát sinh trường hợp giảm thời hạn; 29 người cai nghiện được miễn thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc (năm 2020: 04 người; năm 2021: 22 người; 3 tháng đầu năm 2022: 03 người); hồ sơ thực hiện theo quy định pháp luật.

- Chuyên học viên ra khỏi cơ sở cai nghiện theo yêu cầu cơ quan điều tra: 01 người cai nghiện (năm 2020) được chuyên để phục vụ điều tra, xét xử và thi hành án hình phạt tù về tội mua bán trái phép chất ma túy.

- Giải quyết trường hợp người cai nghiện chết trong thời gian cai nghiện: 01 người cai nghiện bị suy hô hấp, bất tỉnh, được Cơ sở sơ cứu tại chỗ, chuyển đến Trung tâm y tế huyện Anh Sơn cấp cứu nhưng đã tử vong (năm 2021).

- Việc lưu trữ hồ sơ người cai nghiện được thực hiện đầy đủ theo từng năm.

4. Thực hiện các chế độ đối với người cai nghiện

4.1. Chế độ đóng góp

- Đối với người cai nghiện bắt buộc: 100% kinh phí ngân sách nhà nước.

- Đối với người cai nghiện tự nguyện: người nghiện ma túy (hoặc gia đình người nghiện ma túy) tự nguyện chữa trị, cai nghiện nội trú tại Cơ sở phải đóng góp các khoản theo Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An, theo đó mức đóng góp tối đa: tiền ăn hàng tháng là 30% của 0,8 mức lương cơ sở; tiền điện, nước, vệ sinh là 80.000 đồng/người/tháng; tiền sinh hoạt văn thể là 70.000 đồng/người/đợt cai nghiện.

+ Đã niêm yết công khai chi phí cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở theo quy định của pháp luật.

+ Chưa thực hiện ký hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy theo mẫu số 28 tại Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021, cụ thể: chưa ghi cụ thể chi phí và hình thức trả chi phí sử dụng dịch vụ; chưa quy định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; các trường hợp bồi thường thiệt hại; các trường hợp đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng dịch vụ; thanh lý hợp đồng.

4.2. Chế độ ăn, mặc và sinh hoạt của người cai nghiện

- Đã thực hiện định mức tiền ăn hàng tháng cho người cai nghiện theo quy định: 0,8 mức lương cơ sở (1.192.000 đồng/tháng/người); ngày lễ, tết dương lịch tiền ăn bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; ngày Tết Nguyên đán tiền ăn bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường.

- Đã trang cấp chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân hàng năm cho người cai nghiện với định mức là 0,9 mức lương cơ sở (1.341.000 đồng/năm/người).

- Công tác an toàn, vệ sinh thực phẩm: đã lưu mẫu thức ăn theo quy định, đảm bảo an toàn, vệ sinh thực phẩm cho người cai nghiện.

4.3. Chế độ khám, chữa bệnh

- Khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần cho người cai nghiện: trong 6 tháng cuối năm 2021 đến thời điểm thanh tra, chưa thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người cai nghiện.

- Đã khám và điều trị bệnh thông thường cho người cai nghiện. Trường hợp người cai nghiện bị ốm nặng vượt quá khả năng điều trị, Cơ sở đã đưa đến bệnh viện điều trị (năm 2021: 03 người cai nghiện được chuyển tuyến trên chữa bệnh).

- Giải quyết chế độ đối với người cai nghiện bị thương tích do tai nạn lao động, thiên tai, hỏa hoạn: không phát sinh.

- Biện pháp phòng, chống dịch bệnh covid-19: đã thực hiện các biện pháp phòng dịch như đo thân nhiệt cho viên chức, người lao động, khách đến làm việc; thực hiện 5K; phun thuốc khử khuẩn; tiêm phòng; điều trị bệnh cho người cai nghiện bị F0.

- Phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm: 20 người cai nghiện bị nhiễm HIV/AIDS (năm 2020: 08 người, năm 2021: 09 người; 3 tháng đầu năm 2022: 03 người) được bố trí phòng ở riêng trong khu vực nhà ở của người cai nghiện và cấp phát thuốc chữa bệnh; có 01 người cai nghiện bị bệnh lao đã được chữa trị tại Bệnh viện Lao phổi tỉnh Nghệ An (năm 2020).

4.4. Chế độ lao động trị liệu

- Đã lựa chọn công việc phù hợp cho người cai nghiện tham gia lao động trị liệu, bao gồm: làm bếp, trồng trọt, gia công vàng mã; trang cấp bảo hộ lao động theo yêu cầu công việc; phân công cán bộ quản lý, kiểm tra, giám sát trong quá trình người cai nghiện tham gia lao động trị liệu.

- Đã phân chia thu nhập từ kết quả lao động sản xuất, tiền thu nhập hàng tháng sau khi trừ chi phí phát sinh theo tỷ lệ người cai nghiện hưởng 50%, cơ sở hưởng 50%.

4.5. Chế độ thăm gặp người thân và chế độ chịu tang

a) Chế độ thăm gặp

- Chưa ban hành quy chế thăm gặp. Tại sở đăng ký thăm gặp dành cho thân nhân người cai nghiện có nội dung những quy định chung khi thăm gặp.

- Đã tổ chức 1.017 lượt thăm gặp người thân (năm 2020), từ năm 2021 đến thời điểm thanh tra, do dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, Cơ sở không tổ chức cho người cai nghiện thăm gặp người thân, thăm gặp vợ/chồng.

- Tiếp nhận thư, quà, tiền: trong 3 tháng đầu năm 2022, có 61 lượt người thân đến gửi quà; người cai nghiện được nhận gửi tiền lưu ký tại bộ phận kế toán để sử dụng mua đồ ăn, đồ dùng cá nhân tại căng tin.

b) Chế độ chịu tang

- Có 04 người cai nghiện được giải quyết về chịu tang (năm 2020: 01 người, năm 2021: 03 người).

- Đơn đề nghị của gia đình người cai nghiện cho người cai nghiện về chịu tang không có xác nhận của UBND cấp xã nơi người cai nghiện cư trú; có quyết định cho học viên về chịu tang và biên bản bàn giao người cai nghiện với gia đình.

4.6. Chế độ khen thưởng, kỷ luật

- Khen thưởng: 29 người cai nghiện được khen thưởng với hình thức miễn thời gian chấp hành quyết định cai nghiện (năm 2020: 04 người; năm 2021: 22 người; 3 tháng đầu năm 2022: 03 người); 100 người cai nghiện được biểu dương.

- Kỷ luật: 10 người cai nghiện bị khiển trách.

4.7. Học văn hoá, giáo dục nghề nghiệp

- Học văn hóa đối với người cai nghiện: không phát sinh.

- Học nghề: đã ký kết hợp đồng với cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Trường trung cấp kỹ thuật - nghiệp vụ Vinh, tỉnh Nghệ An) tổ chức 06 lớp đào tạo nghề (04 lớp đào tạo nghề hàn; 02 lớp đào tạo nghề điện dân dụng) cho 183 người cai nghiện với tổng số tiền 366.000.000 đồng, cụ thể: năm 2020, đã tổ chức 02 lớp đào tạo nghề hàn cho tổng số 63 người cai nghiện với số tiền 126.000.000 đồng; năm 2021, đã tổ chức 02 lớp đào tạo nghề hàn và 02 lớp đào tạo nghề điện dân dụng cho tổng số 120 người cai nghiện (30 người/lớp) với tổng số tiền 240.000.000 đồng.

4.8. Sinh hoạt văn hoá, hoạt động thể dục thể thao

- Đã ban hành nội quy sinh hoạt của người cai nghiện; duy trì thường xuyên các buổi chào cờ hàng tuần, tập thể dục buổi sáng, tập đội hình, đội ngũ cho người cai nghiện.

- Tổ chức các buổi sinh hoạt văn hóa vào thứ 5 hàng tuần tại hội trường; đã bố trí tivi tại phòng ở của người cai nghiện để tiếp cận các thông tin cần thiết hàng ngày.

4.9. Tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách

Năm 2020, đã tổ chức 09 buổi tư vấn nhóm về các chuyên đề ma túy, tác hại của ma túy, kỹ năng sống, kỹ năng từ chối ma túy sau khi tái hòa nhập cộng đồng cho 400 người cai nghiện. Từ năm 2021 đến thời điểm thanh tra, chưa tổ chức học tập các chuyên đề về giáo dục công dân, sức khỏe và cộng đồng, pháp luật, đạo đức, truyền thống dân tộc cho người cai nghiện.

5. Công tác quản lý tài chính

- Nội dung thu, chi cụ thể tại Phụ lục số 03 kèm theo Kết luận thanh tra này.

- Chưa thực hiện tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác

6.1. Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

Cơ sở không phát sinh điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

6.2. Việc đảm bảo an ninh trật tự

- Công cụ hỗ trợ gồm: 02 súng bắn đạn cao su; 05 còng số 8; 17 gậy cao su; 03 côn điện; đèn Pin. Đã tổ chức đào tạo, tập huấn về công tác bảo vệ, sử dụng công cụ hỗ trợ cho cán bộ.

- Đã phối hợp với Công an huyện đảm bảo an ninh trật tự, phòng, chống thâm lậu ma túy; phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự huyện ban hành quyết định thành lập lực lượng dân quân tự vệ, tổ chức diễn tập, xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ cơ quan, bảo vệ an ninh khu vực.

6.3. Giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo

Không phát sinh đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

6.4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra

- Ban Giám đốc thường xuyên kiểm tra, giám sát hàng ngày, tháng về công tác tiếp nhận, điều trị, quản lý người cai nghiện.

- Hằng năm, Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội kiểm tra về công tác cai nghiện và tài chính của Cơ sở.

- Tháng 6/2020, Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An đã giám sát về kết quả công tác quản lý nhà nước của Cơ sở.

- Thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước: không.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy đã được Cơ sở thực hiện

1.1. Về ban hành văn bản tổ chức thực hiện công tác cai nghiện ma túy và kết quả thực hiện chỉ tiêu cai nghiện ma túy

- Giám đốc Cơ sở đã ban hành các văn bản, quy chế về quản lý, điều hành hoạt động; chế độ quản lý, học tập, rèn luyện, sinh hoạt của người cai nghiện.

- Năm 2020, kết quả cai nghiện bắt buộc và cai nghiện tự nguyện vượt chỉ tiêu được giao (cai nghiện bắt buộc đạt tỷ lệ 112%; cai nghiện tự nguyện đạt tỷ lệ 118%), dạy nghề năm 2021 đạt chỉ tiêu (tỷ lệ 100%).

1.2. Về cơ cấu tổ chức, chế độ đối với viên chức, người lao động và cơ sở vật chất

- Đã trả các khoản tiền lương, tiền công, trợ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại; tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho viên chức, người lao động.

- Điều kiện về vị trí, môi trường, diện tích đất sử dụng, các hạng mục công trình xây dựng cơ bản đảm bảo công tác điều trị, cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện.

1.3. Về công tác quản lý, trình tự, thủ tục cai nghiện ma túy

- Đã quản lý, theo dõi tình hình người cai nghiện; hồ sơ, thủ tục bàn giao, tiếp nhận đối tượng cai nghiện ma túy và thực hiện quy trình cai nghiện ma túy theo quy định pháp luật.

- Thực hiện tạm đình chỉ thi hành quyết định cai nghiện; miễn chấp hành phần thời gian cai nghiện còn lại; chuyển người cai nghiện ra khỏi Cơ sở theo yêu cầu cơ quan điều tra đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

1.4. Việc thực hiện các chế độ đối với người cai nghiện

- Chế độ ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt của người cai nghiện được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Đã điều trị bệnh, phòng, chống dịch bệnh covid-19 và các bệnh truyền nhiễm cho người cai nghiện.

- Đã lựa chọn các công việc phù hợp cho người cai nghiện tham gia lao động trị liệu và phân chia thu nhập từ kết quả lao động sản xuất cho người cai nghiện.

- Đã tổ chức 1.017 lượt thăm gặp người thân (năm 2020) cho người cai nghiện; 61 lượt người thân đến gửi quà và giải quyết cho 04 người cai nghiện về chịu tang.

- Đã thực hiện chế độ khen thưởng cho 100 lượt người cai nghiện, kỷ luật đối với 10 người cai nghiện.

- Đã tổ chức 06 lớp học nghề hàn, điện dân dụng cho 183 người cai nghiện.

- Đã tổ chức sinh hoạt văn hoá, hoạt động thể dục thể thao, bố trí tivi tại phòng ở cho người cai nghiện tiếp cận các thông tin cần thiết hằng ngày.

- Đã tổ chức 09 buổi tư vấn tâm lý, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người cai nghiện.

1.5. Thực hiện các nhiệm vụ khác

- Đã bố trí công cụ hỗ trợ; đào tạo, tập huấn về công tác bảo vệ, sử dụng công cụ hỗ trợ cho cán bộ; phối hợp với cơ quan, chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự tại Cơ sở.

- Thường xuyên tự kiểm tra, giám sát về công tác tiếp nhận, điều trị, quản lý người cai nghiện.

2. Những quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy chưa được Cơ sở thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Ban hành văn bản tổ chức thực hiện cai nghiện ma túy và kết quả thực hiện chỉ tiêu cai nghiện ma túy

- Khoản 3 Điều 6 Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều khen thưởng, kỷ luật đối với học viên được ban hành kèm theo Quyết định số 140/QĐ-CSCNPC ngày 25/10/2021 quy định “Đối với học viên được giảm 20 ngày trở lại thì không làm hồ sơ ra Tòa án mà Hội đồng khen thưởng, kỷ luật Cơ sở họp và

quyết định giảm” không đúng thẩm quyền giảm thời gian chấp hành quyết định cai nghiện ma túy quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; điểm c khoản 5 Điều 58 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021.

- Một số chỉ tiêu về cai nghiện ma túy chưa đạt so với nhiệm vụ được giao: cai nghiện bắt buộc năm 2021 (tỷ lệ 90,66%); cai nghiện tự nguyện năm 2021 (tỷ lệ 62%); dạy nghề năm 2020 (tỷ lệ 64,28%).

- Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện cho 80/95 người cai nghiện chưa đủ tối thiểu 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh; khoản 1 Điều 31 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021.

1.2. Về cơ cấu tổ chức, chế độ đối với viên chức, người lao động và cơ sở vật chất

- Chưa khám sức khỏe định kỳ đối với viên chức, người lao động theo quy định tại Điều 21 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

- Phòng ở của người cai nghiện chưa đảm bảo 6m²/người theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021.

- Chưa bố trí khu cai nghiện riêng cho người cai nghiện ma túy bắt buộc, cai nghiện tự nguyện; khu cai nghiện cho người bị nhiễm HIV/AIDS theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021.

- Một số trang thiết bị, phương tiện tối thiểu còn thiếu so với quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 (*chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo Kết luận thanh tra này*).

- Chưa có hệ thống xử lý nước thải, chưa thực hiện quan trắc, thống kê, lưu trữ dữ liệu, thông tin về môi trường theo Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BLĐTBXH-BTNMT ngày 05/09/2012 của liên Bộ LĐTBXH, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về quản lý và bảo vệ môi trường trong các cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng thuộc ngành LĐTBXH.

1.3. Về trình tự, thủ tục cai nghiện ma túy

- Chưa xây dựng kế hoạch cai nghiện ma túy cho người cai nghiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 41/2010/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31/12/2010 của Bộ LĐTBXH và Bộ Y tế hướng dẫn quy trình cai nghiện cho người nghiện ma túy; Điều 22 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 theo Mẫu số 20 Phụ lục II.

- Chưa hướng dẫn người cai nghiện ma túy xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013; Điều 26 Nghị định 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021.

- Còn để tình trạng người cai nghiện ma túy bỏ trốn, chưa truy tìm được đối tượng.

1.4. Việc thực hiện các chế độ đối với người cai nghiện

- Chưa thực hiện ký hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy theo mẫu số 28 tại Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021.

- Chưa thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người cai nghiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013; khoản 1 Điều 67 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021.

- Chưa ban hành Quy chế thăm gặp theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013; Điều 69 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021.

- Đơn đề nghị của gia đình người cai nghiện cho người cai nghiện về chịu tang không có xác nhận của UBND cấp xã nơi người cai nghiện cư trú theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013; Điều 70 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021.

- Chưa tổ chức học tập các chuyên đề về giáo dục công dân, sức khỏe và cộng đồng, pháp luật, đạo đức, truyền thống dân tộc nhằm phục hồi hành vi, nhân cách cho người cai nghiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 41/2010/TTLT-BLĐTĐ-BHXH-BYT ngày 31/12/2010 của Bộ LĐTBXH và Bộ Y tế hướng dẫn quy trình cai nghiện cho người nghiện ma túy; khoản 1 Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021.

1.5. Công tác quản lý tài chính

Chưa thực hiện tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn

1.1. Khắc phục các hạn chế, thiếu sót và kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý để xảy ra thiếu sót nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

1.2. Rà soát thực trạng về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện của Cơ sở để xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện dự án, phương án tăng cường cơ sở vật chất theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021.

2. Đối với Bí thư Tỉnh đoàn Nghệ An

2.1. Chỉ đạo Giám đốc Cơ sở khắc phục các hạn chế, thiếu sót nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

2.2. Căn cứ điều kiện thực tế, phê duyệt và bố trí ngân sách cho dự án, phương án tăng cường cơ sở vật chất của cơ sở cai nghiện ma túy đảm bảo theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021.

3. Đối với Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Nghệ An

Hướng dẫn Giám đốc Cơ sở và Bí thư Tỉnh đoàn Nghệ An khắc phục các hạn chế, thiếu sót về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác cai nghiện ma túy nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

V. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

1. Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn, Bí thư Tỉnh đoàn Nghệ An thực hiện các kiến nghị nêu tại khoản 1 và khoản 2 Mục IV Kết luận thanh tra này, gửi kết quả kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Nghệ An.

2. Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Nghệ An tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của Giám đốc Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn và Bí thư Tỉnh đoàn Nghệ An (kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh) báo cáo Thanh tra Bộ LĐTBXH, địa chỉ số 02 phố Đinh Lễ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 31/7/2022./.

Nơi nhận:

- Cơ sở CNMTTN Phúc Sơn (để t/h);
- Tỉnh đoàn Nghệ An (để chỉ đạo t/h);
- Sở LĐTBXH tỉnh Nghệ An (để chỉ đạo t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Hồi (để b/c);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**KT.CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

**Phụ lục 01: DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN CỦA CƠ SỞ
CHƯA ĐẢM BẢM YÊU CẦU TỐI THIỂU**

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng tối thiểu	Cơ sở còn thiếu
A	TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO VIỆC THỰC HIỆN QUY TRÌNH CAI NGHIỆN			
I	Trang thiết bị thực hiện các hoạt động tiếp nhận, phân loại người cai nghiện			
1	Tivi	Cái	01	01
2	Máy bộ đàm	Bộ	01	01
3	Điều hoà nhiệt độ	Cái	01	01
4	Máy lọc nước	Chiếc	01	01
5	Bảng ghi thông tin, hoạt động	Cái	01	01
II	Trang thiết bị y tế thực hiện các hoạt động điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác	Phòng		
1	Máy huỷ bom kim tiêm	Cái	01	01
2	Máy hút ẩm	Cái	01	01
3	Bộ dụng cụ khám nha, tai, mũi họng	Bộ	01	01
4	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	01	01
5	Đèn đội đầu soi tai, mũi, họng	Cái	01	01
6	Hệ thống lọc nước công nghiệp	Hệ thống	01	01
7	Bàn tiểu phẫu	Cái	01	01
8	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	Bộ	01	01
9	Bộ dụng cụ thụt, tháo	Bộ	01	01
10	Vòi rửa mắt khẩn cấp	Cái	01	01
11	Cân trọng lượng có thước đo chiều cao	Cái	01	01
12	Cáng đẩy	Cái	01	01
13	Kẹp phẫu tích thẳng kiểu Mayo	Cái	01	01
14	Kẹp kim Mayo 200mm	Cái	01	01
15	Đèn Clar	Bộ	01	01
16	Vịt đai nữ	Cái	01	01
17	Vịt đai nam	Cái	01	01
18	Thông tiểu nam, nữ các loại	Cái	01	01
19	Bốc tháo thụt, dây dẫn	Cái	01	01

III	Trang thiết bị thực hiện hoạt động giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách			
	Giáo dục, tư vấn			
1	Đèn bàn	Cái	01	01
2	Máy trợ giảng	Cái	01	01
3	Tăng âm	Bộ	01	01
	Thiết bị phục hồi sức khỏe			
1	Máy tập đa năng điện	Cái	01	01
2	Xe đạp tập	Cái	01	01
3	Giàn tạ đa năng	Cái	01	01
4	Máy chạy bộ	Cái	01	01
5	Máy vật lý trị liệu đa năng	Chiếc	01	01
6	Máy châm cứu dò huyết	Cái	01	01
IV	Trang thiết bị thực hiện hoạt động hỗ trợ tái hoà nhập cộng đồng	Phòng		
1	Tivi	Cái	01	01
2	Giá để hồ sơ	Cái	01	01
3	Điều hoà nhiệt độ	Cái	01	01
4	Máy lọc nước	Cái	01	01
5	Bảng đen	Cái	01	01
B	TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO SINH HOẠT CỦA NGƯỜI CẠI NGHIỆN			
I	Trang thiết bị phục vụ phòng ở của người cai nghiện	Phòng		
1	Bình đun nước nóng	Cái	01	01
2	Tivi (phòng ở)	Cái	01	01
3	Tủ cá nhân	Chiếc	01	01
4	Bảng theo dõi quân số học viên	Cái	01	01
II	Trang thiết bị phục vụ phòng ăn tập thể			
1	Bếp hầm đôi Inox	Cái	01	01
2	Bàn sơ chế cắt, chặt, băm	Cái	01	01
3	Thùng rác Inox	Cái	05	05
4	Giá Inox để gia vị, chai lọ	Cái	01	01
5	Chảo nhôm công nghiệp	Cái	01	01
6	Đèn diệt côn trùng	Chiếc	01	01
7	Bếp chiên nhúng	Chiếc	01	01
8	Chậu rửa Inox công nghiệp	Cái	01	01

9	Máy mài dao tự động	Cái	01	01
10	Máy thái thịt tự động	Cái	01	01
11	Máy xay thịt tự động	Cái	01	01
12	Lò vi sóng	Cái	01	01
13	Tủ mát bảo quản đồ ăn thừa	Cái	01	01
14	Tủ lưu mẫu thực phẩm	Chiếc	01	01
15	Xe đẩy đồ ăn Inox	Cái	01	01
16	Xe thu dọn đồ ăn	Cái	01	01
17	Quạt hơi nước công nghiệp	Cái	01	01
18	Hệ thống bình nước năng lượng mặt trời	Cái	01	01
C	TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO VIỆC BẢO VỆ, QUẢN LÝ NGƯỜI CAI NGHIỆN			
1	Tháp đèn di động	Cái	01	01
2	Máy dò kim loại cầm tay	Cái	01	01
3	Bộ đàm cầm tay	Bộ	01	01
4	Ống nhôm ngày và đêm	Cái	01	01
5	Ao khoác ghi lê quân cảnh	Bộ	01	01
D	TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO VIỆC BẢO VỆ, QUẢN LÝ NGƯỜI CAI NGHIỆN			
1	Loa phóng thanh cầm tay	Cái	01	01
2	Tivi	Cái	01	01
3	Máy bộ đàm	Bộ	01	01
4	Giá sắt để hồ sơ	Cái	01	01
5	Ghế băng	Cái	01	01
6	Máy lọc nước	Chiếc	01	01
7	Bảng đen	Cái	01	01
8	Bếp điện	Cái	01	01
9	Lò sưởi điện	Cái	01	01
10	Xe cứu thương	Chiếc	01	01
11	Máy sấy công nghiệp	Chiếc	01	01
12	Máy giặt công nghiệp	Chiếc	01	01
13	Xe đẩy đồ vải Inox	Cái	01	01
14	Hệ thống âm thanh sinh hoạt tập thể	Bộ	01	01

PHỤ LỤC 02: QUẢN LÝ NGƯỜI CẢI NGHIỆN

A. Tình hình cai nghiện ma túy bắt buộc

(Đvt: Người)

TT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	3 tháng đầu năm 2022
	Tổng số người, trong đó:	351	321	204
	Nam	351	321	204
	Nữ			
1	Năm trước chuyển sang	197	194	185
1.1	Nam	197	194	185
1.2	Nữ			
2	Tổng số người vào cơ sở trong năm	154	127	19
2.1	Nam	154	127	19
2.2	Nữ			
2.3	Trốn, trở lại			
2.4	Đi viện, trở lại			
2.5	Về chịu tang, trở lại	1	3	
2.6	Khác			
3	Tổng số người ra khỏi cơ sở trong năm	157	136	49
3.1	Nam	157	136	49
3.2	Nữ			
3.3	Ra đúng thời hạn	151	132	49
3.4	Ra trước thời hạn			
3.5	Trốn, không trở lại	5		
3.6	Đi viện, không trở lại		3	
3.7	Về chịu tang không trở lại			
3.8	Ra theo yêu cầu của CQTTHS	1		
3.9	Chết		1	

B. Tình hình cai nghiện ma túy tự nguyện

(Đvt: Người)

TT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	3 tháng đầu năm 2022
Tổng số người, trong đó:		75	41	22
	Nam			
	Nữ			
1	Năm trước chuyển sang	17	16	10
1.1	Nam	17	16	10
1.2	Nữ			
2	Tổng số người vào cơ sở trong năm	58	25	12
2.1	Nam	58	25	12
2.2	Nữ			
3	Tổng số người ra khỏi cơ sở trong năm	59	31	11
3.1	Nam	59	31	11
3.2	Nữ			
3.3	Ra đúng hợp đồng	11	9	1
3.4	Ra trước hợp đồng	48	22	10

PHỤ LỤC 03: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

A. Nội dung thu tại cơ sở cai nghiện

Nội dung	Bộ máy quản lý hành chính			Cai nghiện bắt buộc			Cai nghiện tự nguyện		
	2020	2021	2022	2020	2021	2022	2020	2021	2022
I. Năm trước chuyển sang	22.934.162	247.119						155.607.000	
II. Thu trong năm	5.189.372.872	3.940.560.322	2.705.000.000	4.049.847.731	4.277.735.146	1.000.000.000	444.772.092	258.701.876	19.714.000
1. Ngân sách nhà nước	5.063.985.000	3.778.000.000	2.705.000.000	3.926.911.375	4.115.102.824	1.000.000.000	238.538.625	162.699.176	
2. Đóng góp của cá nhân/gia đình người tự nguyện									
3. Lao động sản xuất (gia công vàng mã)							206.233.467	96.002.700	19.714.000
4. Thu từ nguồn thực hiện các chương trình đề án									
5. Tài trợ ủng hộ									
6. Thu khác (báo cáo theo nội dung thực tế)									
6.1 Thu tiền gia công vàng mã	125.387.872	162.560.322		122.936.356	162.632.322				
Tổng thu (I +II)	5.212.307.034	3.940.807.441	2.705.000.000	4.049.847.731	4.277.735.146	1.000.000.000	444.772.092	414.308.876	19.714.000

B. Nội dung chi tại cơ sở

	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
I	Chi cho bộ máy quản lý và xây dựng, mua sắm trang thiết bị	5.212.059.915	3.940.807.441	559.817.129
1	Tiền lương, tiền công và phụ cấp	1.629.691.640	1.684.820.147	516.140.214
2	Xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị	3.128.546.991	1.716.900.000	
3	Các nội dung chi khác	328.433.412	376.526.972	43.676.915
4	Chi lương hợp đồng, sửa chữa đồ dùng	125.387.872	162.560.322	
II	Chi cho người cai nghiện bắt buộc	4.049.847.731	4.277.735.146	498.414.468
1	Tiền ăn	3.164.481.375	3.123.935.824	498.414.468
2	Tiền thuốc chữa bệnh	141.700.000	140.850.000	
3	Chi phí y tế			
4	Học văn hóa			
5	Đồ dùng sinh hoạt cá nhân	356.310.000	366.042.555	
6	Học nghề	126.000.000	240.000.000	
7	Hoạt động văn thể	18.900.000	20.230.000	
8	Chi khác (Báo cáo theo nội dung thực tế)			
	Tiền điện thấp sáng	89.520.000	124.044.445	
	Tuyên truyền 26/6, vật tư phòng chống covid	30.000.000	100.000.000	
	Chi học viên ăn thêm ngày thứ 7 hàng tuần	122.936.356	162.632.322	
III	Chi cho người cai nghiện tự nguyện	289.165.092	414.308.876	
1	Tiền ăn	204.096.092	279.916.876	
2	Tiền thuốc chữa bệnh	5.800.000	69.100.000	
3	Chi phí y tế			
4	Học văn hóa			
5	Đồ dùng sinh hoạt cá nhân	78.079.000	65.292.000	
6	Học nghề			
7	Hoạt động văn thể	1.190.000		